

DẤU ẤN GIA ĐÌNH TRONG VĂN HÓA PHÚ XUÂN THỜI CÁC CHÚA NGUYỄN

Trần Nguyễn Khánh Phong*

I. Đặt vấn đề

Thời các chúa Nguyễn, Phú Xuân đã 2 lần được chọn làm chính dinh, lần thứ nhất vào năm 1687 dưới thời chúa Nguyễn Phúc Thái (đến năm 1712 chúa Nguyễn Phúc Chu lại dời về làng Bác Vọng), và lần hai (1738 - 1775) dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát. Sau đó có một thời gian Phú Xuân dưới thời quân Trịnh trấn giữ (1775 - 1786) *“là trận địa tiền tiêu để đẩy lùi các cuộc tấn công của quân đội Tây Sơn và quân của chúa Nguyễn từ phía Nam tiến ra, cũng là nơi thể nghiệm chính sách cai trị ở vùng đất mới”*⁽¹⁾ và Phú Xuân lại trở thành kinh đô của triều Tây Sơn (1786 - 1801).

Mặc dầu trải qua nhiều biến cuộc, thế nhưng Phú Xuân thực sự phát triển và có tầm ảnh hưởng lớn đến xứ Đàng Trong bắt đầu từ cuối thế kỷ XVIII, dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, thì *“Phú Xuân đã được quy hoạch tổng thể, nghiêm nhiên trở thành một đô thị đang trên đà phát triển, một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự lớn nhất xứ Đàng Trong. Trước đó, năm 1744, Nguyễn Phúc Khoát đã gọi Phú Xuân là Đô thành”*.⁽²⁾ Đây là thời kỳ hoàn thành cuộc Nam tiến của dân tộc. Chúa ra lệnh dời phủ ra làm điện, sửa sang phép tắc, định ra triều phục, chia Đàng Trong làm 12 dinh và 01 trấn, gồm: Chính dinh (Phú Xuân), Cự dinh (Ái Tử) - Quảng Trị, Quảng Bình, Võ Xá, Bố Chính, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ, và Trấn Hà Tiên.

Như vậy, các đời chúa Nguyễn nối tiếp nhau đã có công biến vùng đất hoang vu dần dần trở thành chốn kinh kỳ sầm uất đô hội nổi tiếng của một thời. Và *“sự đóng góp của các chúa Nguyễn như là nền móng đầu tiên trong công cuộc xây dựng và phát triển đô thị Phú Xuân - Huế... cùng với sự đóng góp tài năng, trí tuệ, công sức của biết bao thế hệ”*,⁽³⁾ điều này dù ít dù nhiều vẫn còn có dấu ấn của những nhóm gia đình được thể hiện trong văn hóa Phú Xuân thời các chúa Nguyễn.

II. Vai trò và sự đóng góp của các nhóm gia đình trong văn hóa Phú Xuân

Li Tana đã nhận xét về vai trò của truyền thống nhóm gia đình buổi đầu ở xứ Đàng Trong rằng: *“Một trong những yếu tố thuận lợi cho việc khai thác vùng đất*

* Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế.

mới với quy mô lớn hơn, đó là vai trò của các nhóm gia đình. Truyền thống của người Việt Nam trong việc duy trì tính chất đại gia đình đã đóng một vai trò quan trọng trong việc di dân xuống phía Nam. Truyền thống này đã khuyến khích người di dân đi theo từng nhóm cùng huyết thống hay họ tộc hơn là đi lẻ tẻ từng cá nhân riêng rẽ hay từng gia đình nhỏ”.⁽⁴⁾ Và gắn với quá trình hình thành làng xã thì trong mỗi làng, dòng họ đều có những nhóm gia đình có công lao trong việc khai canh, khai khẩn, thi cử đỗ đạt hoặc mở mang ngành nghề qua từng thế hệ đã đưa Phú Xuân dần trở thành trung tâm chính trị - kinh tế của xứ Đàng Trong.

1. Những gia đình khai canh khai khẩn

Như chúng ta đã biết, công cuộc khai phá mở đất lập làng ở Thừa Thiên Huế diễn ra liên tục từ thế kỷ XIV - XVIII, phần lớn đều do sự liên kết của các dòng họ hoặc cá nhân chung lưng tạo lập nên từ đầu đã có sự cố kết cộng đồng vững chắc. Truyền thống này bắt nguồn từ thực tế lịch sử, khi mà “Nhà Lê còn luôn luôn đôn đốc, khuyến khích dân tự tổ chức đi khai hoang. Quan lại, binh lính đã từng có công khai mở vùng đất này, nhà nước rất khuyến khích chiêu mộ dân nghèo, mang theo họ hàng thân thích vào lập làng sinh cơ lập nghiệp”.⁽⁵⁾ Và “Nguyễn Hoàng đã không đi một mình... có nhiều quan lại cùng với gia đình họ đã theo Nguyễn Hoàng tới đất Thuận Hóa năm 1558”.⁽⁶⁾ Đa số các thủy tổ khai canh, khai khẩn khi đến vùng đất mới đều từ thời chúa Nguyễn Hoàng và dần dần đến đời con, cháu của họ vẫn kế tục sự nghiệp khai hoang, lập thêm làng mới kéo dài cho đến thời chúa Nguyễn Phúc Khoát.

Trường hợp làng Bình An, huyện Phú Lộc ra đời vào khoảng đầu thế kỷ XVIII, tiên hiền khai khẩn là ông Lê Công Tôn. Theo tư liệu của dòng họ Lê Phước cho biết, ông Lê Công Tôn quê quán ở xứ Cần Me, xã Bình Luật, phủ Đức Quang, Nghệ An. Năm thứ nhất niên hiệu Bảo Thái (1720), ngài thủy tổ họ Lê Phước vào Nam lập nghiệp, đầu tiên ngài đến huyện Phú Vang, sau đó định cư tại làng Bình An, tổng An Cư (nay thuộc huyện Phú Lộc), phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa, đến nay truyền được 15 đời. Con của ngài thủy tổ là Lê Phước Mạnh, là hậu hiền khai canh.

Tiếp đến là họ Nguyễn hậu hiền khai khẩn làng Bình An, gốc Thanh Nghệ. Họ Nguyễn có hai anh em là Nguyễn Văn Ve (anh) và Nguyễn Văn Chén (em) vào dừng chân ở làng Đông An. Ngài em ở lại Đông An trở thành người khai canh làng này. Còn người anh là Nguyễn Văn Ve giỏi làm nghề ngư nên về Bình An, trở thành hậu hiền khai khẩn.⁽⁷⁾

Theo gia phả họ Đặng ở Hà Trung thì họ Đặng này có gốc từ Thái Bình di cư vào làng Thiên Lộc, phủ Hà Trung, Thanh Hóa (nay là xóm Tây Ngự, xã Ngự Lộc, huyện Hậu Lộc), sau đó vào định cư ở làng Hà Trung (xã Vinh Hà, Phú Vang). Gia phả cho biết ngài thủy tổ Đặng quý công, chức vụ Cai tri phó tướng, tước Lam Sơn

hầu đã cùng với 5 vị thủy tổ 5 họ khác tìm đến đất Hà Trung khai phá lập làng kể từ đời Nguyễn Hoàng. Ngài sinh hạ ngài Đặng Văn Tây, ngài Tây lại có 3 nam là Đặng Văn Minh, Đặng Văn Chánh và Đặng Văn Trực. Từ đời thứ 2 (Đặng Văn Minh) đến đời thứ 4 (Đặng Quang Tuấn) đã di dời liên tục đến 6 nơi khác nhau. Cũng từ đó, hình thành đại tộc họ Đặng ở tại Hà Trung và các phái khác cư trú tại Thanh Lương (Hương Trà) - Bắc Vọng (Quảng Phú, Quảng Điền), làng Nghi Giang và làng Hà Bắc (Phú Lộc), Thai Dương Hạ (Hương Trà) và các nơi khác. Đây là dòng họ của danh nhân Đặng Huy Trứ.⁽⁸⁾

Nhóm cư dân Nam tiến dưới thời chúa Nguyễn tiếp tục bổ sung nhân lực để khai phá với quy mô lớn hơn ở những làng xã hình thành trước đó. Những lớp cư dân này trở thành những người khai khẩn. Như trường hợp ông Huỳnh Văn Lau - thủy tổ họ Huỳnh làng Hòa Duân từ Thanh Nghệ vào đây sinh sống khoảng cuối thế kỷ XVII; con ông là Huỳnh Văn Cửa góp công lớn trong việc thành lập xóm làng. Họ Huỳnh trở thành họ khai khẩn đứng đầu làng Hòa Duân.⁽⁹⁾

Từ thời Hậu Lê, ngài Phan Văn Thuận quê ở Thanh Hóa đã sinh hạ được hai nam là ngài Phan Văn Tường (con trưởng) và Phan Văn Trại (con thứ). Sau đó cả hai người con của ngài Phan Văn Thuận cùng rời đất Bắc vào Thuận Hóa lập nghiệp. Trong đó, ngài Phan Văn Tường đến khai phá vùng hoang hóa thuộc tổng Quảng Xuyên, huyện Phú Vang lập nên xã Ba Lăng, sau được truy phong là tiền khai canh. Ngài Phan Văn Trại đã cùng với các họ Nguyễn, Trần Văn, Lê, Trần Vĩnh khai lâm phá lũng lập ấp Cự Lại.⁽¹⁰⁾

Hoặc danh xưng Cổ Lão xuất hiện với tư cách của một đơn vị hành chính là khoảng cuối thế kỷ XVIII, làng Cổ Lão đồng tôn vinh nhị vị họ Phan là khai canh và đồng tứ tộc hậu khai khẩn. Đây chính là những tộc họ đặt chân đến đầu tiên, có công lao tích điền lập thổ, dựng ấp mở làng. Căn cứ bản “Tế văn nghi tiết” và thần vị được phối hưởng tại đình, thứ tự của các tộc họ như sau: Bôn thổ Tiền khai canh Lương hầu Phan Đình Dương, Phan Phước Đức nhị vị tôn thần. Bôn thổ Hậu khai khẩn Phạm Hữu tôn thần. Bôn thổ Hậu khai khẩn Phạm Văn tôn thần. Bôn thổ Hậu khai khẩn Hoàng Tăng tôn thần. Bôn thổ Hậu khai khẩn Hoàng Văn tôn thần. Theo lời kể của các bậc cao niên và khảo cứu bản gia phả họ Phan thì hai ngài khai canh vốn là hai cha con. Ngài Phan Đình Dương sau ngày di cư vào Nam, buổi đầu sinh sống lập nghiệp tại vùng đất thuộc thôn Lại Bằng (nay là phường Hương Vân, thị xã Hương Trà).⁽¹¹⁾

Như vậy, qua một số làng tiêu biểu trong thời kỳ Phú Xuân đã cho thấy có nhiều gia đình là anh em, cha con trở thành khai canh, khai khẩn của một làng hoặc làng mới. Có vậy sẽ tạo nên tính bền vững trong cố kết cộng đồng, dòng họ và gia đình trong hành trình mở cõi và thực tế là những gia đình “*có công với sự nghiệp của chúa nên sau khi lập làng nhiều đời được ân điển của triều đình. Từ đó một*

mặt tạo nên những nét đẹp và đa dạng trong văn hóa làng xã Thừa Thiên Huế, mặt khác thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa làng và nước”.⁽¹²⁾

2. Gia đình võ tướng và hiếu học

Khi nói về nhóm gia đình võ tướng và hiếu học, Lê Quý Đôn đã có nhận định xác đáng rằng: *“Nhân tài đời nào là không có. Đất Thuận Hóa vào thời nhuận Hồ có cha con Đặng Tất vì tài tướng văn tướng võ mà nổi danh... Từ đầu thời Trung hưng của bản triều, Đoan quốc công vào trấn, đời sau nối nhau giữ việc quân, truyền tập riêng nhau, tự đặt quan lại, do đó nhân sĩ châu Ô, châu Lý không ai không theo thời thế mà lập công danh, mà những người bộ khúc họ Nguyễn mang theo, phần nhiều là người Thanh Nghệ, kiều cư ngụ quán, con cháu họ có tài nghệ kiến thức hoặc do tập ám mà tiến lên, hoặc do thi cử mà bổ dụng, cũng lại không ít. Tuy hơn một trăm năm tới nay, họ tên của họ chưa vang thượng quốc nhưng không thể bảo là không có nhân tài được”.*⁽¹³⁾

Nhiều gia đình ở Phú Xuân đã có truyền thống hiếu học từ lâu đời và được bồi đắp qua suốt chiều dài lịch sử. Vì ở đây, từ thời chúa Nguyễn khai lập đã mở Văn Miếu cùng nhiều trường học nhằm đào tạo đội ngũ quan chức cho phủ chúa. Nhiều tư liệu cho biết: *“Sau khi lập phủ Phú Xuân, chúa Nguyễn Phúc Chu cho lập Văn Miếu ở làng Triều Sơn. Năm 1766, chuyển đến làng Lương Quán, năm 1770, chuyển đến làng Long Hồ, nơi đây được thiết lập Học cung để đào tạo quan chức cho chính quyền Đàng Trong.*

Chúa Nguyễn Phúc Chu đặt ra các phép thi dành cho quan chức đương triều gọi là thi Văn chức và thi Tam ty.

Đây là một cố gắng lớn trong việc đào tạo và chấn chỉnh quan lại của các chúa Nguyễn theo một nội dung học thuật và thi cử mới, có tính thực tiễn hơn về phương thức trị nước ở Đàng Trong, đã có tác dụng nhất định trong việc hình thành một trung tâm chính trị và văn hóa Phú Xuân vào thế kỷ XVII - XVIII.

Dưới thời Tây Sơn (1786 - 1801), Phú Xuân là Kinh đô, trên cơ sở của Học cung cũ thời chúa Nguyễn tại làng Long Hồ, chính quyền Tây Sơn cho xây dựng Quốc Tử giám. Quốc Tử giám ở Huế chính thức được thành lập từ đó”.⁽¹⁴⁾

Vào thời các chúa Nguyễn ở thế kỷ XVII - XVIII, nhiều làng quê đã xuất hiện những gia đình mà nhiều đời nổi chí việc học hành thi cử làm quan lớn có công giúp chúa Nguyễn củng cố chính quyền vững mạnh. Như ở làng An Hòa có các nhân vật họ Nguyễn Đăng thành đạt khoa hoạn thuộc hai đại gia đình Nguyễn Đăng Trị và Nguyễn Đăng Đệ.

- Nguyễn Đăng Trị đỗ Hương cống, làm quan ở Văn Chức Viện. Con trai thứ 3 của ông là Nguyễn Đăng Thịnh (1694 - 1755) cũng đỗ Hương cống, trải qua

nhiều chức vụ, thăng dần đến Lễ Bộ kiêm Lại Bộ. Ba người con của ông cũng thành đạt khoa hoạn.

Em ruột của ông là Nguyễn Đăng Tiến học giỏi nhưng thi không đỗ, được tiến cử làm Văn chức kiêm Thị giảng, rồi thăng Ký lục Quảng Nam, bị bệnh mất lúc 47 tuổi. Có tác phẩm *Minh Khiêm thi tập*, *Minh Khiêm vịnh sử tập*.

- Nguyễn Đăng Đệ (1699 - 1727) đỗ Sinh đồ, làm Huân đạo rồi thăng đến Ký lục ở chính dinh. Con trai thứ 7 của ông là Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767) đỗ Hương cống khoa năm 1740, bổ làm Tri phủ Triệu Phong, Tuần vũ Quảng Ngãi, từng tham gia mở cõi ở phương Nam. Trở về triều làm Lại Bộ ít lâu thì mất.⁽¹⁵⁾

Gia đình danh tướng Nguyễn Hữu Dật có nhiều đóng góp vào sự nghiệp khai phá xứ Đàng Trong. Bản thân Nguyễn Hữu Dật là đại công thần có công phò tá nhiều đời chúa Nguyễn, đánh lui nhiều cuộc Nam tiến của quân Trịnh, giữ vững lãnh thổ Đàng Trong, được phong chức Chiêu Vũ hầu. Ông có nhiều người con, nổi tiếng nhất là Nguyễn Hữu Hào và Nguyễn Hữu Cảnh. Với tác phẩm truyện *Song tinh*, Nguyễn Hữu Hào “đã có đóng góp rất sớm vào kho tàng văn học nước nhà một giai tác bằng Quốc âm, quý giá hơn cả về nghệ thuật, văn hóa, ngôn ngữ học lẫn nhân sinh quan. Đó cũng là một dấu hiệu bắt đầu trở mình của nền văn chương Việt Nam vào những giai đoạn tiếp sau”.⁽¹⁶⁾ Nguyễn Hữu Cảnh (1650 - 1700), khi nhận được lệnh vào khai phá vùng đất Nam Bộ thế kỷ XVII, vào đến nơi ông thấy đất đai phì nhiêu, dân cư đang còn thưa thớt. Khi đó ông “nhìn về miền Trung đất đai cằn cỗi, người dân lam lũ cực nhọc mà không đủ ăn, lại lụt bão hằng năm hoành hành tan tác. Ông Cảnh khuyến khích, vận động họ vào Nam lập nghiệp”.⁽¹⁷⁾ Ông có người con trai là Nguyễn Hữu Tú làm chức Chương cơ trấn thủ, kiêm Phụ quốc Thượng tướng quân đời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725) và Nguyễn Phúc Thụ (1725 - 1738).⁽¹⁸⁾ Nguyễn Hữu Bác là cháu của Nguyễn Hữu Dật, con của Ký lục Nguyễn Hữu Khôi được tập ấm trao chức Cai cơ Hữu Trung cơ. Có con là Khâm làm quan tới chức Cai cơ.⁽¹⁹⁾

Nhiều gia đình nối gót hầu chúa Nguyễn bằng những công hiến xuất sắc, bằng chứng là nếu như đời cha có công xây nền móng chính trị vững chắc cùng các chúa Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phúc Nguyên thì đến đời con, cháu, chất lại hết lòng phò chúa vì nghĩa lớn như đại gia đình Tổng Phúc Trị làm quan nhà Lê, trấn thủ Thuận Hóa khi chúa Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa thì dâng sổ sách bản đồ, cùng Nguyễn Ư Kỷ và Mạc Cảnh Huống đồng lòng giúp chúa Nguyễn Hoàng. Con của ông là Phúc Đông làm đến Chương cơ, con của Phúc Đông là Phúc Khang “vì là con của tướng, thường đem quân đánh dẹp, có công thăng đến Chương doanh quận công. Lúc chết, được thăng hàm Thiếu phó”.⁽²⁰⁾

Tổng Phúc Khang có 2 người con trai, con trưởng là Phúc Vinh, làm đến Trung quân đô đốc phủ, lúc chết tặng Thiếu phó quận công. Con thứ 2 là Phúc Thạch làm đến Tiền quân đô đốc phủ quận công.

Con của Phúc Vinh là Phúc Trí làm đến Nội hữu Chuông doanh. Con của Phúc Thạch là Phúc Diệu làm đến Ngoại Chuông doanh kiêm Tào vụ. Con của Phúc Diệu là Phúc Dĩnh lấy công chúa Ngọc San (con gái thứ 3 của Túc Tông) làm đến Phò mã Chuông doanh.⁽²¹⁾

Nguyễn Cửu Kiều là người quý huyện [Tổng Sơn] thuộc Thanh Hóa, là người khẳng khái, có chí lớn *“Vì thấy họ Trịnh không giữ đạo làm tôi nên có ý theo vào Nam”*.⁽²²⁾ Ông được Nguyễn Hữu Dật đưa vào ra mắt, dâng mật thư và bảo ấn cho chúa. Và ông đã cống hiến sự nghiệp quân sự của mình cho Đảng Trong, và 2 người con của ông là Nguyễn Cửu Ứng và Nguyễn Cửu Dực đều tài giỏi, dũng cảm, được nhân dân tôn thờ.

Nguyễn Cửu Ứng là người dũng cảm, giỏi dùng súng đại bác, buổi đầu làm quan giữ chức Cai cơ quản cơ Tả Trung Kiên, dần làm tới chức Trấn thủ dinh Bố Chính.

Nguyễn Cửu Thế là con trai thứ 3 của Nguyễn Cửu Ứng. Ông tài giỏi, được chúa tin dùng, đã từng đem quân đi dẹp yên ác man ở Cam Lộ (1714). Nhờ có công dẹp yên nội loạn, ông được chúa ban cho đôi câu đối:

*“Vi đồng vi lương, trọng trấn Nam triều lương hữu bậc.
Thí kim thí ngọc, tráng ngô quốc lão điện bàn an”*.

Nghĩa là:

Làm cột làm rường, trọng trấn Nam triều nhờ tướng giỏi
Như vàng như ngọc, mong còn quốc lão giữ dân yên.⁽²³⁾

Người con thứ 4 của Nguyễn Cửu Thế là Nguyễn Cửu Pháp, *“là người thanh liêm kiệm ước, được ban phát bổng lộc gì đều đem chia hết cho bà con bạn bè, không chịu mua ruộng đất”*.⁽²⁴⁾ Các con của ông là Sách, Dật và Thận đều phò chúa giúp dân.

Người con của Nguyễn Cửu Dực là Nguyễn Cửu Vân có công dẹp loạn vùng Chân Lạp, khai khẩn ruộng đất ở Vũng Gù (thuộc Định Tường) để dân quân nơi theo.⁽²⁵⁾ Nguyễn Cửu Vân có các con là Nguyễn Cửu Chiêm có công đánh giặc Lào xâm phạm biên cảnh (1731). Nguyễn Cửu Đàm làm quan tới chức Hữu quân Phó Tiết chế.

Làng Đồng Di, xã Phú Hồ, huyện Phú Vang có dòng họ Lê Quang nổi tiếng với các nhân vật như Tham nghị Lê Quang Hiến, người đã vẽ bản đồ xã Bắc Vọng dâng lên chúa Nguyễn Phúc Chu. Ông Hiến có con là Lê Quang Đại (? - 1746) tài

giỏi, hiểu biết sâu rộng về văn học nên được bổ làm Văn chức, và trải qua các chức Tham mưu dinh Bình Thuận, Cai bạ dinh Quảng Nam. Năm 1738 trở về Phú Xuân làm Cai bạ Phó đoán sự chính dinh.⁽²⁶⁾

Dưới thời chúa Nguyễn ở làng Cổ Lão nói đến gia đình truyền thống khoa cử thì có Đăng Long hầu Phạm Hữu Huệ, người khai mở con đường khoa hoạn ở Cổ Lão. Căn cứ vào bản Gia phả họ Phạm [Phái 3] hiện đang được trân giữ tại nhà thờ họ Phạm làng Cổ Lão thì ngài Phạm Hữu Tào là người mở ra phái 3, thuộc đời thứ hai tộc Phạm. Ngài Phạm Hữu Huệ, đời thứ 2 (đời thứ 3 họ Phạm), là người con duy nhất của ông Phạm Hữu Tào. Ông làm quan trong giai đoạn chấp chính của chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725) và Nguyễn Phúc Thụ (1725 - 1738). Ông mất ngày 15 tháng 5 âm lịch (không rõ năm), mộ táng tại xứ Gia Cối, tục gọi là Mã Dưới.⁽²⁷⁾ Sau này, ngài Phạm Hữu Huệ có người cháu xa là Phạm Hữu Tâm (1779 - 1842) làm quan trải qua 3 đời vua Gia Long, Minh Mạng và Thiệu Trị.

Làng Ưu Đàm cũng có khá nhiều danh nhân lịch sử văn hóa được ghi trong sử sách, trong đó có nhân vật tiêu biểu ở thế kỷ XVIII là Nguyễn Đăng Đàn. Ông còn có tên là Nguyễn Đăng Tường, tự là Thuần Nhất, hiệu là Bất Nhị, người làng Ưu Đàm. Từ bé vốn thông minh, học giỏi, nhưng không thích khoa cử, có tiếng giỏi về lý số và binh pháp. Tính tình điềm tĩnh, ưa làm điều thiện, vui với đạo lý, không thích vinh hoa danh lợi. Đời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1764), ông lấy tư cách là thường dân, đến triều đình dâng bản kế sách bằng chữ Nôm, đại ý nói: người làm vua chúa nên lấy việc cầu hiền tài, nghe lời can gián là trên hết. Chúa khen lời nói đúng đắn, thiết thực, muốn mời vào bổ quan, ông từ chối, vẫn tiếp tục nghề dạy học, làm nhà ở núi Thanh Thủy, học trò có đến vài trăm người, phần nhiều thành đạt. Đến lúc 70 tuổi, ông vẫn bền chí, đức hạnh tốt đẹp, người đời kính trọng, tôn xưng là *Siêu Quân tiên sinh* (bậc thầy hơn người).

Cháu nội là Nguyễn Đăng Trường làm quan Tham tán đời chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765 - 1777), ngăn quân Trịnh ở Sông Bò thất bại, năm 1776 vượt biển vào Nam, bị Nguyễn Huệ bắt, được đối xử tử tế, muốn trọng dụng, nhưng ông từ chối và được cho đi. Năm 1777, quân Nguyễn Huệ lại bắt được ông ở Gia Định, mới đem ra hành hình. Ông nổi tiếng là người trung nghĩa với chúa Nguyễn.⁽²⁸⁾

Hai quan viên có công đức đối với làng Văn Xá là Trần Mậu Quế (1688 - 1762) xuất sĩ dưới triều chúa Nguyễn Phúc Thụ, giữ chức Tri phủ, đi đánh ở biên giới Tây Nam có công, được thăng chức Ký lục dinh Trấn Biên và Hà Tiên, tước Văn Xá bá. Người thứ hai là Trần Hưng Đạt (1746 - 1810), con trai thứ 7 của Trần Mậu Quế, khởi đầu làm quan ở Viện Hàn Lâm. Năm 1775 lánh vào Quảng Nam dạy học trò. Năm 1793 mới vượt biển vào Gia Định, được làm Tham tri Bộ Lễ. Đến năm 1806 thì về hưu, bị bệnh mất năm 1809. Do có con gái là Trần Thị Ngọc

Đương (1768 - 1846) năm 1781 được tiến cung làm Tả cung tần, về sau là Thuận Thiên Cao Hoàng hậu, là mẫu hậu của vua Minh Mạng, nên ông được truy tặng là Thiệu phó Hà Hoa quận công. Năm Thiệu Trị thứ 1 (1841), gia tặng là Cần Chánh Điện Đại học sĩ, Thái sư Thọ quốc công, phu nhân cũng được phong làm Thọ quốc nhất phẩm phu nhân.⁽²⁹⁾

Dòng họ Nguyễn Khoa có những gia đình tạo dấu ấn rất riêng trong văn hóa Phú Xuân đó là đại gia đình văn võ song toàn tiêu biểu Nguyễn Khoa Danh (1632 - 1697), làm quan 3 đời chúa Nguyễn Phúc Tần, Nguyễn Phúc Thái, Nguyễn Phúc Chu, đến chức Chánh dinh Câu kê, tước Cảnh Lộc bá. Con của Nguyễn Khoa Danh là Nguyễn Khoa Chiêm (1659 - 1736) văn võ song toàn, là bậc khai quốc công thần, đã để lại cho đời sau cuốn *Nam triều công nghiệp diễn chí*, một trong những cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tiên của Việt Nam. Người con thứ ba của Nguyễn Khoa Chiêm làm quan Nội tán tên là Nguyễn Khoa Đăng (1691 - 1725), khai quốc công thần, cai quản đất Quảng Nam đến Phú Yên rồi được thăng chức Nội tán trong triều, nổi tiếng là vị quan liêm chính. Ông có công dẹp cướp ở trường nhà Hồ, đến nay vẫn còn lưu truyền câu ca:

*“Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.
Phá Tam Giang ngày rày đã cạn,
Trường nhà Hồ Nội tán căm nghiêm”.*

Đời 5, còn có Chánh dinh Tri bộ Chiêu Tài bá Nguyễn Khoa Hiệp (1694 - 1757) là con thứ 10 của Nguyễn Khoa Chiêm. Đời 6 tiêu biểu là Nguyễn Khoa Toàn (cũng gọi Nguyễn Khoa Thuyên, 1724 - 1789), là cháu nội của Nguyễn Khoa Chiêm, khai quốc công thần, Khâm sai Tham chánh kiêm coi Bộ Hộ, Bộ Binh. Ông có công đánh Tây Sơn, rước Định Vương Nguyễn Phúc Thuần vào Nam Bộ. Đời 7, có Cai cơ đốc chiến, Triệu Thành hầu Nguyễn Khoa Kiên (1754 - 1775) là con của Nguyễn Khoa Toàn, cũng là Khai quốc công thần, vì trung thành với chúa Nguyễn mà tự sát lúc 22 tuổi, không chịu khuất phục Tây Sơn khi bị bắt.

Họ Hoàng Trọng ở làng Nguyệt Biều (nay là phường Thủy Biều, TP Huế) trước đây có nhiều người làm quan cho triều chúa. Có thể kể là Hoàng Trọng Xuất (1707-1778, đời thứ 10), con của ông Hoàng Trọng Thắng nhưng làm con nuôi của ông bác ruột - làm trưởng Thái giám là Tài Lộc hầu Hoàng Trọng Mỹ. Ông Xuất có dung mạo tuấn tú, học hành thông minh, được chúa bổ dụng vào Hàn Lâm Viện, rồi làm Tri phủ Quảng Bình. Ông nổi tiếng về đức độ thương dân như con, được phong tước Lưu Khánh tử, có văn bia và sắc chỉ ở làng. Con thứ hai của ông là Hoàng Trọng Ngan, người có phong thái tuấn tú, chững chạc, được người đương thời gọi là thần đồng. Đời Tự Đức ông làm Tri huyện, nổi tiếng khoa danh.

Ở làng Phước Linh, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang có ngài Trần Duy Khôi đỗ Hương cống, làm Tri phủ Bình Dương tước Thanh Đức hầu. Ngài có con trai là Trần Duy Sĩ có học được bổ Văn chức ở Hàn Lâm Viện, tước Sĩ Đức tử, và cháu nội là Trần Duy Nguyên vào Gia Định làm viên chức Tào Vận, Trần Duy Tâm (1777 - 1806) đỗ Tú tài, làm lễ sinh ở phủ. Ngài Trần Duy Tâm có con là Trần Duy Thiện sinh năm 1770, theo nghiệp võ, làm đến Vệ úy và ngài Trần Duy Trọng (1777 - 1849) học nghề y, làm Y chánh Viện Thái Y đời vua Minh Mạng.⁽³⁰⁾

Như vậy, với tinh thần truyền thống gia đình, các nhóm gia đình trải qua nhiều thế hệ nói trên đã cùng sát vai gánh vác sự nghiệp với các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, họ không chỉ nổi danh ở trong vùng chính dinh Phú Xuân mà còn vang danh ở cả miền Gia Định - An Giang, dần dần đưa nhân lực vật lực mở rộng về phương Nam ngày càng phát triển.

3. Gia đình trong việc truyền nghề

Những làng nghề truyền thống của vùng chính dinh Phú Xuân đã từng vang danh đó là nghề sơn son Tiên Nộn, nghề tranh Lại Ân, xóm ngói Ngõa Tượng, làng nón Triều Sơn, làng hoa giấy Thanh Tiên, làng giấy Đốc Sơ, làng vải Lạc Nô, Địa Linh, Thế Chí, làng rèn Hiền Lương, Phù Bài, đệm bàng Phò Trạch, gốm Phước Tích, mộc Mỹ Xuyên, kéo thép, làm kim Mậu Tài, đan lát Bao La, đan gót Dã Lê, đúc đồng Phường Đúc, bánh tráng Lựu Bảo, kim hoàn Kế Môn... Nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thông nhận định rằng: *“Xứ Đàng Trong là một vùng đất trù phú về nguyên liệu thủ công như các loại lâm, khoáng, thổ sản... Người Việt đến đây ngoài việc kế thừa những gì vốn có ở cố hương họ còn tiếp thu hoặc điều chỉnh để hình thành một số nghề thủ công khác nhằm đáp ứng nhu cầu của cuộc sống mới”*.⁽³¹⁾ Từ đây cũng đã hình thành nên những nhóm gia đình có nghề và truyền nghề lại cho con cháu, giữ vững nếp gia đình truyền thống sống bằng nghề thủ công và tạo được tiếng vang lớn trong toàn xứ Đàng Trong, cũng có một số gia đình được vinh danh là đệ nhất, đệ nhị tổ nghề nơi vùng đất mới.

Trường hợp như ông Trần Trọng Diễm thắp từng tàu buôn sang Quảng Đông, Trung Quốc học nghề kéo dây thau. Khi trở về nước đã cùng em là Thúc Kiện dạy cho dân làng làm nghề này, trở thành tổ sư của tượng cuộc Mậu Tài tại Chánh dinh Phú Xuân, người em lại vào Quảng Nam hành nghề, phổ biến nghề cho dân làng trú ngụ tại Hội An, trở thành tổ sư tượng cuộc Mậu Tài tại dinh Quảng Nam.⁽³²⁾

Nghề kim hoàn làng Kế Môn hình thành vào khoảng cuối thế kỷ XVIII với công lao của hai cha con là Cao Đình Độ và Cao Đình Hương. Ông Cao Đình Độ (1735 - 1810), quê ở làng Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Ông học nghề kim hoàn từ một người Hoa ở Thăng Long. Sau khi học xong, ông về quê đưa gia quyến vào Thuận Hóa lập nghiệp.

Theo truyền thuyết của dân làng Kế Môn, gia đình ông Cao Đình Độ vào Thuận Hóa bằng đường thủy, khi đi qua sông Ô Lâu, trước mặt làng Kế Môn thì bị chìm đò. Lúc ấy, hai nông dân là Hoàng Công Bàn và Trần Duy Lợi đang gặt lúa gần đấy đã kịp thời cứu cả gia đình ông, giúp đỡ và cho tạm trú tại làng. Ông Cao Đình Độ ở lại làng, vừa truyền nghề cho con là Cao Đình Hương vừa dạy nghề cho dân trong họ của hai ân nhân. Cả hai cha con ông đã dốc lòng tận lực truyền dạy nghề kim hoàn, cả làng Kế Môn theo học rất đông.⁽³³⁾ Và từ đó làng Kế Môn thường được gọi là làng vàng Kế Môn.

Năm 1790, vua Quang Trung triệu hai cha con ông Cao Đình Độ cùng một số thợ giỏi làng Kế Môn vào kinh đô Phú Xuân để lập vệ “*Ngân tượng*”. Sau khi triều Tây Sơn sụp đổ, vua Gia Long lên ngôi lập nên triều Nguyễn, cha con ông Cao Đình Độ vẫn được trọng dụng.

Sau khi cha mất, ông Cao Đình Hương quyết định từ quan về quê để tìm người nối nghiệp gia đình. Quan Thượng thư Bộ Lại ở Thuận Hóa lúc bấy giờ là Trần Minh cùng vợ là Huỳnh Thị Ngọc đã mời ông về phủ dạy nghề cho 3 người con là Trần Hòa, Trần Điện, Trần Điền và 3 người cháu là Huỳnh Quang, Huỳnh Bảo, Huỳnh Nhật. Sau này hai cha con Cao Đình Độ và Cao Đình Hương trở thành đệ nhất tổ sư và đệ nhị tổ sư nghề kim hoàn của Thừa Thiên Huế.

Khi theo chúa Nguyễn, ông Nguyễn Văn Lương đã mang nghề đúc đồng từ quê mình vào phục vụ cho sự nghiệp của chúa. Từ đời thứ hai trở đi con cháu ông Lương đã đến Phường Đúc làm nhiệm vụ do chúa Nguyễn sai phái. Con ông Nguyễn Văn Lương là ông Nguyễn Văn Đào được tôn làm tổ nghề đúc đồng ở Phường Đúc. Ông Nguyễn Văn Đào giữ chức Thủ hợp, đứng đầu một trong hai ty thợ đúc. Từ đây, các thế hệ con cháu trong dòng họ nối tiếp nhau làm nghề đúc, đến nay đã được 14 đời với nhiều thợ giỏi như: Thủ hợp Nguyễn Văn Xuy; Thủ hợp Nguyễn Văn Mãi (đời 3); Chánh ty quan Nguyễn Văn Mao (đời 4); Cai đội Quân Chánh dinh suất nội Chú tượng ngũ ty Nguyễn Văn Thùy; Chánh Cai quan Chú tượng ty Kinh Nhơn Nguyễn Văn Hòa; Chánh dinh suất nội Chú tượng ty Kinh Nhơn Nguyễn Văn Minh (đời 5); Đội trưởng Nguyễn Văn Như (đời 6); Cai cục tượng Nguyễn Văn Thận (đời 7); Đội trưởng Tượng cục Nguyễn Văn Viễn (đời 8); Nguyễn Văn Mười (đời 9); Nguyễn Đình Toại; Nguyễn Văn Tý (đời 10); Nguyễn Văn Sính, Nguyễn Văn Thuận (đời 11); Nguyễn Phùng Sơn (đời 12).⁽³⁴⁾

Dưới những bàn tay tài hoa của các nghệ nhân đúc đồng Phường Đúc, thời chúa Nguyễn đã làm nên dấu ấn để lại cho đời sau là các vạc đồng ở Đại Nội (1659 - 1684), đại Hồng Chung chùa Thiên Mụ (1710).

Khi chúa Trịnh và Tây Sơn đánh chiếm Phú Xuân thì các Công tượng đúc đồng bị tan rã. Riêng chỉ có họ Nguyễn ở Kinh Nhơn vẫn tiếp tục nghề đúc của cha

ông. Từ những lò đúc của các anh em trong dòng họ Nguyễn, nghề đúc vẫn được duy trì và phát triển cho tới ngày nay.

Như vậy, qua các nhóm gia đình truyền nghề không những đã tạo nên một hệ thống các làng nghề, làng thủ công ven Huế mà còn sản xuất ra các chủng loại sản phẩm hàng hóa phong phú. Đặc biệt có những làng chuyên nghề như đúc đồng Phường Đúc, làng rèn Hiền Lương, gốm Phước Tích, tranh làng Sinh, chạm khắc Mỹ Xuyên, rèn sắt Phù Bài, làm nón, nghề thêu, mộc... đã tạo cho Phú Xuân khẳng định được vị trí chính dinh và đã cung cấp một lượng hàng hóa đáng kể cho toàn xứ Đàng Trong vang danh một thời.

III. Kết luận

Có thể nói, dưới thời các chúa Nguyễn khi đặt chính dinh ở Phú Xuân hai lần đã đưa đời sống của người dân phát triển đến phồn thịnh, và ngoài những dấu ấn gia đình nêu trên thì trong đời sống tâm linh của họ còn có tín ngưỡng gia đình, các gia đình ở Phú Xuân đã có tục *“Thờ cúng tổ tiên, thờ cúng những người đã khai phá, thành lập, những người đã hy sinh để bảo vệ và phát triển làng xã, đất nước, quê hương, cũng như thờ cúng ông bà, cha mẹ đã sinh thành dưỡng dục mình, trong một ý nghĩa nhân văn và nhân bản”*.⁽³⁵⁾

Chính vì sự cố kết đó của gia đình ở Phú Xuân thời các chúa Nguyễn rất bền chặt nên khi chúa Trịnh chiếm cứ Phú Xuân đã không thu phục được lòng người, cho dù lúc đầu *“chúa Trịnh cho áp dụng chính sách khoan thư cho dân và khai thác hợp lý các nguồn lực, nhưng vẫn nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân khắp các miền ở Thuận Hóa”* và về sau *“chính sách cai trị theo lối quân quản rất hà khắc đã dẫn đến bất mãn trong nhân dân”*⁽³⁶⁾ thì Phú Xuân lại mở ra một trang mới đó là chiến thắng Phú Xuân của quân Tây Sơn năm 1786 và dấu ấn gia đình sẽ có những kế tục và phát triển mới xuyên suốt cho đến triều Nguyễn và hôm nay trên đất Thừa Thiên Huế.

T N K P

CHÚ THÍCH

- (1) Đỗ Bang (2018). “Phú Xuân - Thuận Hóa dưới thời quân Trịnh (1775 - 1786)”. Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, Kỷ yếu hội thảo khoa học *Thừa Thiên Huế những minh chứng lịch sử*. Huế, 13/9/2018, tr. 97.
- (2) Ủy ban nhân dân thành phố Huế (1999). *Phú Xuân Huế từ đô thị cổ đến hiện đại*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 150.
- (3) Ủy ban nhân dân thành phố Huế (1999). *Phú Xuân Huế từ đô thị cổ đến hiện đại*, sđd, tr. 150.
- (4) Li Tana (1999). *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*. Nguyễn Nghi dịch. Nxb Trẻ, tr. 34.
- (5) Bùi Thị Tân (2007). “Lê Thánh Tông với việc mở mang, phát triển vùng Thuận Quảng”. Trong sách *Lê Thánh Tông về tác gia và tác phẩm*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 239.

- (6) Li Tana (1999). *Xứ Đàng Trong...*, sđd, tr. 29.
- (7) Mai Văn Đurọc (2018). “Về quá trình hình thành các làng xã ven biển của hai huyện Phú Vang - Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn”. Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, Kỷ yếu hội thảo khoa học *Thừa Thiên Huế những minh chứng lịch sử*. Huế, 13/9/2018, tr. 95.
- (8) Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế (2017). Báo cáo khoa học tổng kết đề tài *Vai trò và tác động của gia đình và dòng họ đối với sự phát triển của xã hội ở tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay*. Chủ nhiệm đề tài PGS,TS Đỗ Bang. Thừa Thiên Huế, 9/2017, tr. 83, 85.
- (9) Mai Văn Đurọc (2018). “Về quá trình hình thành các làng xã ven biển...”, Bđd, tr. 92.
- (10) Nguyễn Thị Vi (2015). *Sự hình thành làng xã vùng ven biển huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế từ thế kỷ XV đến năm 1945*. Luận văn Thạc sĩ khoa học Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Huế, tr. 40.
- (11) Đỗ Minh Điền (2019). “Làng Cổ Lão - Quá trình khai thiết và hệ thống thiết chế văn hóa”. Trong sách, Trần Đại Vinh (chủ biên). *Làng Văn vật Thừa Thiên Huế*. Tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 74.
- (12) Mai Văn Đurọc (2018). “Về quá trình hình thành các làng xã ven biển...”, Bđd, tr. 96.
- (13) Lê Quý Đôn (2015). *Phủ biên tạp lục*. Bản dịch và bổ chính Trần Đại Vinh. Nxb Đà Nẵng, tr. 208.
- (14) Đỗ Bang (2014). *Thừa Thiên Huế đất học và tài năng*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Thừa Thiên Huế - Đất học và tài năng*, Hội Khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế, 12/11/2014, tr. 3.
- (15) Trần Đại Vinh (chủ biên) (2017). *Làng Văn vật Thừa Thiên Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 38.
- (16) Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1993). *Danh nhân Quảng Bình*. Tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 39.
- (17) Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1997). *Danh nhân Quảng Bình*. Tập 2, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 55.
- (18) Vĩnh Nguyên, Nguyễn Tú (1997). *Danh nhân Quảng Bình*. Tập 2, sđd, tr. 63.
- (19) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1995). *Đại Nam liệt truyện tiền biên*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 171.
- (20) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1997). *Đại Nam liệt truyện*. Tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 85.
- (21) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1997). *Đại Nam liệt truyện*. Tập 1, sđd, tr. 86.
- (22) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1995). *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, sđd, tr. 172.
- (23) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1995). *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, sđd, tr. 174, 175.
- (24) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1995). *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, sđd, tr. 180.
- (25) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1995). *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, sđd, tr. 177.
- (26) Đỗ Bang (chủ biên) (2000). *Từ điển lịch sử Thừa Thiên Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 961.
- (27) Đỗ Minh Điền (2019). “Làng Cổ Lão - Quá trình khai thiết...”, sđd, tr. 74.
- (28) Nguyễn Thế (2019). “Làng Ưu Diễm”. Trong sách, Trần Đại Vinh (chủ biên). *Làng Văn vật Thừa Thiên Huế*. Tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 383.
- (29) Trần Đại Vinh (chủ biên) (2017). *Làng Văn vật Thừa Thiên Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 386.
- (30) Trần Đại Vinh, Trần Viết Tuấn (chủ biên) (2012). *Lược sử họ Trần tại Thừa Thiên Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 210.
- (31) Nguyễn Hữu Thông (1994). *Huế nghề và làng nghề thủ công truyền thống*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 27.

- (32) Nhiều tác giả (2016). *Nghiên cứu văn hóa dân gian Thừa Thiên Huế - 25 năm (1991 - 2016) một hành trình*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 679.
- (33) Ban Chấp hành Đảng bộ xã Diên Môn (2015). *Lịch sử Đảng bộ xã Diên Môn (1930 - 2012)*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 30.
- (34) Đỗ Bang (chủ biên) (2018). Gia đình và dòng họ Thừa Thiên Huế trong lịch sử. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 23, 24.
- (35) Ủy ban nhân dân thành phố Huế (1999). *Phú Xuân Huế từ đô thị cổ đến hiện đại*. Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 154.
- (36) Đỗ Bang (2018). "Phú Xuân - Thuận Hóa dưới thời quân Trịnh (1775 - 1786)". Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, Kỷ yếu hội thảo khoa học, *Thừa Thiên Huế những minh chứng lịch sử*. Huế, 13/9/2018, tr. 97.

TÓM TẮT

Trong hành trình mở cõi về phương Nam, thì dấu ấn gia đình trong văn hóa Phú Xuân thời các chúa Nguyễn được thể hiện qua vai trò của các nhóm thuộc: Những gia đình khai canh khai khẩn; Nhóm gia đình võ tướng và hiếu học; Nhóm gia đình trong việc truyền nghề.

Mỗi nhóm truyền thống gia đình đều có vai trò và đóng góp riêng: Những gia đình khai canh khai khẩn tạo nên tính bền vững trong cố kết cộng đồng, dòng họ và gia đình trong hành trình mở cõi.

Nhóm gia đình võ tướng và hiếu học trải qua nhiều thế hệ đã cùng sát vai gánh vác sự nghiệp với các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, họ không chỉ nổi danh ở vùng chính dinh Phú Xuân mà còn vang danh ở cả miền Gia Định - An Giang dần dần đưa nhân lực vật lực mở rộng về phương Nam ngày càng phát triển.

Nhóm gia đình truyền nghề không những đã tạo nên một hệ thống các làng nghề, làng thủ công ven Huế mà còn sản xuất ra các chủng loại sản phẩm hàng hóa phong phú. Đặc biệt đã góp phần giúp Phú Xuân khẳng định được vị trí chính dinh và đã cung cấp một lượng hàng hóa đáng kể, đưa Phú Xuân dần trở thành trung tâm chính trị - kinh tế của xứ Đàng Trong.

ABSTRACT

FAMILY IMPRINTS OVER PHÚ XUÂN CULTURE OF THE NGUYỄN LORDS

During the process of advancing to the South, family imprints over Phú Xuân culture of the Nguyễn Lords have been expressed through the roles of various groups: Reclaiming families; martial and studious families and craft families.

Each traditional family group has its own role and contribution: Reclaiming families created sustainability in the cohesion of communities, clans and families during the extension to the South.

Many generations of martial and studious families had shoulder to shoulder served the Nguyễn Lords in Cochinchina (Đàng Trong), they were not only famous in Phú Xuân main palace but also in Gia Định - An Giang areas in contributing human and material human resources to the South.

The group of craft families not only created a system of traditional craft villages around Huế but also produced a wide range of commodity products. Especially, they helped to affirm the major role of Phú Xuân and provided a considerable amount of goods, gradually turning Phú Xuân into the political and economic center of Cochinchina (Đàng Trong).